

Bản án số: 257/2020/HNGĐ-ST
Ngày 01 – 12 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hiến.

Ông Nguyễn Hoài Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 01 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 526/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 519/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Hồ Chí P, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp M, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh P chung sống với nhau từ năm 1996, không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn với nhau, do bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, gia đình hai bên có hòa giải nhưng hai vợ chồng vẫn không thay đổi được quan điểm, xét thấy chị với anh P không thể sống chung với nhau được nữa, tình cảm không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hồ Chí P.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 03 con chung gồm: Hồ Như M, sinh ngày 19/9/1997; Hồ Như M1, sinh ngày 01/01/2003; Hồ Phát Đ, sinh ngày 10/11/2010. Sau khi ly hôn, Hồ Như M đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa

án giải quyết; Hồ Như M1 và Hồ Phát Đ có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, hiện hai con đang sống cùng với chị, việc cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hồ Chí P trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất thời gian chung sống, không có đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn như chị T trình bày. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Có 03 con chung gồm: Hồ Như M, sinh ngày 19/9/1997; Hồ Như M1, sinh ngày 01/01/2003; Hồ Phát Đ, sinh ngày 10/11/2010. Sau khi ly hôn, Hồ Như M đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với Hồ Như M1 và Hồ Phát Đ, anh thống nhất hai con có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi, việc cấp dưỡng không đặt ra.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T và anh Hồ Chí P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh P là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hồ Chí P chung sống với nhau vào năm 1996 nhưng không đăng ký kết hôn.

Theo chị T, nguyên nhân mâu thuẫn là anh chị bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, gia đình hai bên có hòa giải nhưng hai vợ chồng vẫn không thay đổi được quan điểm, nay chị nhận thấy chị với anh P không thể sống chung với nhau được nữa, tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh P, anh P thống nhất với nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh chị và đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến chị T xin ly hôn mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa các đương sự theo yêu cầu của chị T là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về con chung: Các đương sự thỏa thuận cháu Hồ Như M1 và Hồ Phát Đ có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi dưỡng. Xét thấy, hiện nay hai cháu đang sống cùng với chị T, phát triển tốt về mặt thể chất và tinh thần, đồng thời tại biên bản ghi nguyện vọng của Hồ Như M1 và Hồ Phát Đ thể hiện cháu M1 và cháu Đ cùng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị T khi cha, mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao Hồ Như M1 và Hồ Phát Đ cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; trường hợp có phát sinh tranh chấp về vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 và khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Hồ Chí P là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao Hồ Như M1, sinh ngày 01/01/2003 và Hồ Phát Đ, sinh ngày 10/11/2010 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Anh Hồ Chí P không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng, ngày 05/11/2020 chị T đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011506 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được chuyển thu, sung quỹ nhà nước.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Dũng Liêm